

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SÁNG TẠO CHO HỌC SINH TRONG DẠY HỌC SINH HỌC Ở PHỔ THÔNG

VĂN THỊ THANH NHUNG - VŨ THỊ XUÂN LỘC*

Ngày nhận bài: 01/08/2016; ngày sửa chữa: 05/08/2016; ngày duyệt đăng: 06/08/2016.

Abstract: Creativity is one of the most important competences of students, helping student explore new knowledge and apply knowledge to reality. The article mentions theory of developing creativity for students in teaching and application of the theory in teaching. Also, the article proposes measures to develop creative competences of students through teaching Biology at high school.

Keywords: Creative capacity; student; biology, creativity.

Phát triển tư suy sáng tạo là một trong những biện pháp tổ chức dạy học theo định hướng phát triển năng lực. Từ hoạt động tìm tòi, học sinh (HS) phát hiện và giải quyết vấn đề (GQVĐ) nhằm chiếm lĩnh kiến thức mới và vận dụng một cách sáng tạo kiến thức, kĩ năng trong thực tiễn sản xuất và đời sống. Trong dạy học, có thể phát huy năng lực sáng tạo (NLST) cho HS bằng nhiều biện pháp khác nhau. Trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi giới thiệu một số biện pháp phát triển NLST của HS trong dạy học Sinh học (SH) ở phổ thông.

1. Khái quát về sáng tạo trong học tập của HS

1.1. Khái niệm về sáng tạo

Về khái niệm sáng tạo, có nhiều tác giả định nghĩa ở các góc độ khác nhau. Theo **Từ điển tiếng Việt**, “sáng tạo là tạo ra giá trị mới về vật chất và tinh thần, là tìm ra cách giải quyết mới, không bị gò bó hay phụ thuộc vào cái đã có” [1; tr 1085]. Theo Nguyễn Đức Uy, “sáng tạo là sự đột khởi thành hành động của một sản phẩm liên hệ mới mẻ, nảy sinh từ sự độc đáo của một cá nhân và những tư liệu, biến cố, hay những hoàn cảnh của đời người ấy” [2; tr 9]. Tác giả Phan Dũng cũng cho rằng: “sáng tạo là hoạt động tạo ra bất kì cái gì có đồng thời tính mới và tính ích lợi” [3; tr 14], theo ông, sáng tạo là hoạt động chứ không phải chỉ là kết quả, và kết quả sáng tạo phải có tính mới và tính ích lợi. Người ta chỉ sáng tạo khi có vấn đề nảy sinh, quá trình GQVĐ cũng chính là quá trình sáng tạo. Nguyễn Huy Tú cho rằng: “sáng tạo thể hiện khi con người đứng trước hoàn cảnh có vấn đề” [4; tr 5]. Quá trình này là tổ hợp các phẩm chất và năng lực mà nhờ đó con người trên cơ sở kinh nghiệm của mình và bằng tư duy độc lập tạo ra được ý tưởng mới, độc đáo, hợp lí trên bình diện cá nhân hay xã hội, ở đó, người sáng tạo gạt bỏ được các giải pháp truyền thống để

đưa ra những giải pháp mới độc đáo và thích hợp cho vấn đề đặt ra.

Từ các quan niệm trên, có thể hiểu “Sáng tạo là quá trình hoạt động của con người tạo ra cái mới, có giá trị GQVĐ đặt ra một cách hiệu quả”. Sáng tạo là một thuộc tính của tư duy, là một phẩm chất của quá trình tư duy, còn được gọi là tư duy sáng tạo (TDST).

1.2. Phát triển NLST

Tác giả Huỳnh Văn Sơn, Trần Việt Dũng và nhiều nhà tâm lí học khác đều thống nhất khi cho rằng NLST là khả năng tạo ra những cái mới hoặc GQVĐ một cách mới mẻ của con người. NLST là cái tiềm ẩn bên trong cá nhân, sáng tạo là sự hiện thực hóa NLST của chủ thể bằng những sản phẩm sáng tạo. Nhiều nhà tâm lí học cũng khẳng định rằng không phải con người có NLST đều có được sản phẩm sáng tạo, trong đa số trường hợp, NLST của bản thân cá nhân thì chưa đủ, cần phải có điều kiện, môi trường sáng tạo để NLST đó phát huy.

Xét về tổng thể, có thể kể đến ba thành phần cơ bản trong năng lực sáng tạo, đó là: - TDST: Là hệ thống những thao tác, cách thức của não bộ xử lí, biến đổi các dữ liệu, thông tin nhằm hình thành ý tưởng, lời giải của vấn đề sáng tạo; - Vấn đề sáng tạo (đối tượng, mục đích mà tư duy hướng đến): Tư duy nảy sinh từ những tình huống có vấn đề, TDST luôn có mục đích, do vậy hoạt động của nó mang tính hướng đích, chứ không phải là suy nghĩ lan man, không định hướng; - Hệ thống những thao tác, cách thức não bộ xử lí, biến đổi (các dữ liệu, thông tin): Hệ thống này hoạt động trên cả 3 bình diện: tự ý thức, tiềm thức và vô thức. Kết quả của TDST là những ý tưởng, lời giải cho vấn đề sáng tạo. Nhiệm vụ quan trọng của TDST là đưa ra lời giải của vấn đề sáng tạo.

* Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế

Như vậy có thể hiểu, *NLST là khả năng con người vận dụng các thao tác tư duy để giải quyết có hiệu quả các vấn đề mới trong các bối cảnh mới, tình huống mới bằng các con đường mới, cách thức mới.*

2. Sáng tạo trong hoạt động học tập của HS

Đối với HS, các hoạt động tự tìm tòi để GQVĐ trong các bối cảnh nhất định là hoạt động sáng tạo. Sáng tạo là bước nhảy vọt trong sự phát triển năng lực nhận thức của HS. Không có con đường logic để dẫn đến sáng tạo, HS phải tự tìm lấy kinh nghiệm thông qua thực tiễn hoạt động học. Cách tốt nhất để hình thành và phát triển sáng tạo là tích cực hóa hoạt động học tập của HS.

Trong học tập, việc tăng cường tính tích cực, chủ động để hình thành TDST của HS được thực hiện thông qua các hoạt động: - Phát triển các hình thức tư duy, nhất là tư duy trừu tượng làm cơ sở cho việc lĩnh hội khái niệm khoa học trong quá trình học tập; - Hình thành thói quen học tập tích cực thông qua các hoạt động tự lực phát hiện và GQVĐ, nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ học tập bằng cách đưa ra những quan điểm, lập luận, cách diễn đạt riêng. Trong quá trình đó, tự học tích cực sẽ giúp cho HS tự tin, tính quyết đoán, biết nghi ngờ tính bản chất của sự vật, hiện tượng và từ đó nảy sinh sáng tạo. Hai mặt này có quan hệ mật thiết với nhau: sẽ không có sáng tạo nếu không có tự học tích cực; sẽ không thể học tập hiệu quả nếu không miệt mài sáng tạo; - Tạo môi trường học tập tích cực bằng cách vận dụng hiệu quả các phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực, tăng cường khả năng vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề trong bối cảnh thực tiễn cuộc sống.

3. Một số hoạt động sáng tạo của HS trong dạy học SH

3.1. Sáng tạo trong hoạt động phát hiện vấn đề SH. Trong dạy học SH, hoạt động phát hiện vấn đề sáng tạo được có những biểu hiện sau:

- Phát hiện được tình huống có vấn đề. Một trong những biểu hiện của NLST trong phát hiện vấn đề là phát hiện được tình huống có vấn đề. Tình huống có vấn đề xuất hiện khi có sự mâu thuẫn giữa thực tiễn với trình độ nhận thức của HS, khi các em gặp phải những khó khăn trong tư duy hoặc hành động mà vốn hiểu biết sẵn có chưa đủ để vượt qua.

- Những dấu hiệu nhận biết HS sáng tạo trong phát hiện được tình huống có vấn đề bao gồm: + Phát hiện các mâu thuẫn nhận thức giữa kiến thức đã học và kiến thức chưa biết; + Phát hiện những sai lầm trong tư duy hay những thói quen, những kinh nghiệm sống hàng ngày mà chúng ta mặc nhiên chấp nhận,

hay có thái độ khinh miệt, xa lánh những bệnh nhân mắc bệnh, tật di truyền, sinh con không theo ý muốn về giới tính...; + Đề xuất được ý tưởng sáng tạo và biện luận sáng tạo để xác nhận ý tưởng mới. Việc đề xuất ý tưởng sáng tạo là HS tự đặt mình trong bối cảnh nhất định để xác định vấn đề. Bối cảnh có thể là một tình huống giả định, một phân vai hay một hoàn cảnh thực của cuộc sống. Việc đề xuất được ý tưởng và biện luận để xác nhận được ý tưởng sáng tạo là một trong những biểu hiện năng lực TDST ở mức độ cao của HS.

3.2. Sáng tạo trong GQVĐ. GQVĐ là năng lực quan trọng trong học tập của HS. Ở hoạt động này, sự sáng tạo của HS biểu hiện ở cách nhìn nhận, phân tích, đánh giá vấn đề, đưa ra một chọn lựa và xác định giải pháp nào là tốt nhất để GQVĐ nhanh gọn và hiệu quả. Để phát huy tính sáng tạo của HS trong GQVĐ, có thể tổ chức hoạt động học tập thông qua các hoạt động sau: - Nghiên cứu tài liệu; - Quan sát trực tiếp hay gián tiếp đối tượng; - Thực hành thí nghiệm; - Tham gia hoạt động trải nghiệm.

Từ việc phát hiện được vấn đề, dựa trên những hiểu biết của bản thân, thảo luận nhóm và thu thập thông tin từ các nguồn khác nhau (sách giáo khoa, internet, tham vấn các chuyên gia...), HS có thể đề xuất các giải pháp GQVĐ phù hợp nhất. Trong dạy học theo định hướng phát triển năng lực, tùy năng lực của HS để các em lựa chọn cách tiếp cận vấn đề và đề xuất giải pháp GQVĐ.

3.3. Vận dụng sáng tạo kiến thức, kĩ năng trong thực tiễn sản xuất và đời sống

Trong dạy học SH, việc tổ chức HS vận dụng kiến thức vào thực tiễn là năng lực quan trọng có ý nghĩa trong rèn luyện tư duy sáng tạo. Các kiến thức cơ bản của khoa học SH được đúc kết từ kinh nghiệm sản xuất, đời sống. Việc vận dụng kiến thức khoa học SH trong thực tiễn mục đích cuối cùng là tìm ra các biện pháp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm chăn nuôi, trồng trọt, nâng cao chất lượng cuộc sống. Đây là kết quả của sáng tạo trong lao động của con người. Trong điều kiện nhà trường, hoạt động sáng tạo trong việc vận dụng kiến thức SH vào thực tiễn ở các mức độ biểu hiện như: - Giải thích được những hiện tượng SH xảy ra trong thực tiễn; - Đề xuất được các biện pháp kĩ thuật nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm chăn nuôi, trồng trọt; - Ứng dụng trong điều kiện sản xuất và đời sống ở địa phương và gia đình.

4. Các biện pháp rèn luyện TDST cho HS trong dạy học SH

4.1. Sử dụng câu hỏi kích thích tính tìm tòi sáng tạo. Câu hỏi là một trong những biện pháp tư

duy có tác dụng trong việc kích thích suy nghĩ, tìm tòi sáng tạo. Theo Trần Bá Hoành, câu hỏi kích thích tư duy là câu hỏi đặt ra trước HS một nhiệm vụ nhận thức, kích lệ và đòi hỏi họ cố gắng trí tuệ cao nhất, tự lực tìm ra câu trả lời bằng cách vận dụng các tư duy so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, qua đó lĩnh hội kiến thức mới và tập dượt được phương pháp nghiên cứu, phương pháp GQVĐ, có được niềm vui của sự khám phá. Đây là quá trình tìm tòi sáng tạo trong quá trình học tập để HS tự mình phát hiện và giải quyết mâu thuẫn, lĩnh hội kiến thức mới.

Ví dụ: Khi dạy nội dung *Bài 19. Mối quan hệ giữa gen và tính trạng (SH9)*. Dựa vào quá trình hình thành ARN, quá trình hình thành chuỗi axit amin và chức năng của protein, HS có thể khái quát mối liên hệ giữa gen và tính trạng theo sơ đồ:

Gen (một đoạn AND) → mARN → Protein → Tính trạng

Từ mối quan hệ này, HS phát hiện vấn đề: Tính trạng do gen quy định. Nhưng khi xem xét hiện tượng ở một cây rau dền nước: *khúc thân mọc trên bờ có đường kính nhỏ và chắc, lá nhỏ; khúc thân mọc ven bờ có thân và lá lớn hơn; khúc thân mọc trải trên mặt nước có đường kính lớn hơn hai khúc thân trên và ở mỗi đốt, một phần rễ biến thành phao, lá cũng to hơn.* Từ sự phân hoá kiểu hình như trên, xuất hiện ở HS câu hỏi: *Tại sao ở các khúc cây sống trong các môi trường khác nhau lại cho các kiểu hình khác nhau. Phải chăng, các kiểu hình khác nhau của cây do các kiểu gen khác nhau quy định?* Đây chính là sự mâu thuẫn giữa kiến thức các em đã học với kiến thức cần tìm. Để tìm câu trả lời, HS phải tìm hiểu nội dung của bài với các dữ liệu ban đầu: Cùng một cây do đó cùng một kiểu gen. Mặc dù các kiểu hình khác nhau ở các môi trường khác nhau nhưng có cùng một kiểu gen quy định. Từ đó, các em phát hiện được: Các kiểu hình khác nhau trong các môi trường khác nhau do phản ứng của kiểu gen với môi trường. Vì vậy, mặc dù tính trạng do gen quy định nhưng bố mẹ không truyền cho con tính trạng đã được hình thành sẵn mà truyền một kiểu gen quy định cách phản ứng trước môi trường. Ở các môi trường sống khác nhau, kiểu gen phản ứng với môi trường để cho kiểu hình khác nhau.

Từ đó, HS xây dựng được mối quan hệ mới:

Kiểu gen $\xrightarrow{\text{Môi trường}}$ Kiểu hình

Điều này có ý nghĩa quan trọng trong việc vận dụng sáng tạo kiến thức vào thực tiễn, để có được kiểu hình mong muốn, trong chăn nuôi, trồng trọt, ngoài yếu tố giống, muốn có được kiểu hình tốt nhất, cần tạo

điều kiện cho vật nuôi, cây trồng có môi trường sống tốt, do đó, khâu chăm sóc, nuôi dưỡng trong chăn nuôi, trồng trọt đóng vai trò quyết định năng suất và chất lượng sản phẩm.

4.2. Rèn TDST thông qua quan sát trực quan.

Quan sát là điểm tựa của tư duy, là chỗ dựa của quá trình nhận thức. Trước một hiện tượng, một đối tượng sống muốn nhận thức nó, chủ thể nhận thức phải có những tài liệu về những dấu hiệu bên ngoài, trực quan về đối tượng đó. Để có những tài liệu về đối tượng, HS phải biết quan sát. Biết quan sát không phải chỉ là sự tinh tường của các giác quan mà điều quan trọng hơn còn là biết định hướng quan sát sao cho tư liệu tri giác được vừa phong phú, vừa phù hợp với mục đích nhận thức đối tượng và hiện tượng sống, nghĩa là phải sao cho vừa có thể nhìn, vừa có thể thấy được. Trong quá trình quan sát, HS thu thập được những thông tin, sự kiện một cách trực tiếp, khách quan bằng các thao tác tư duy hình thành những biểu tượng ban đầu về thế giới xung quanh, trên cơ sở đó làm tư liệu cho phát hiện và GQVĐ. Quan sát cũng giúp các em tích lũy kinh nghiệm và tạo chỗ tựa cho quá trình suy nghĩ, tri giác để giải quyết các vấn đề xảy ra tương tự. Ví dụ: để HS phát hiện cây xanh có khả năng phản ứng trước một kích thích xác định, có thể cho HS quan sát cây xanh ở các điều kiện chiếu sáng khác nhau (*hình 1*).



Hình 1. Cảnh ứng của cây non đối với điều kiện chiếu

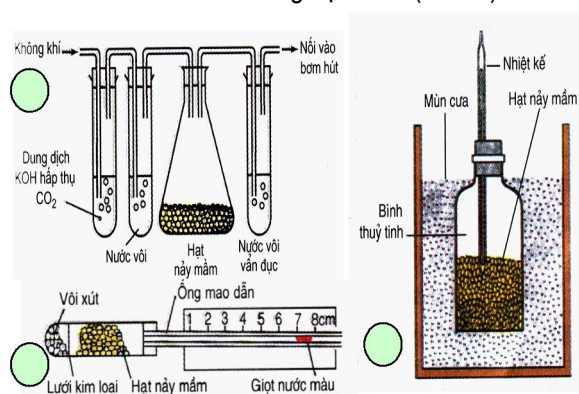
Đối tượng quan sát	Kết quả quan sát
Chậu cây được chiếu sáng từ 1 phía (a)	Thân và lá cây non hướng về nguồn sáng.
Chậu cây trồng trong bóng tối hoàn toàn (b)	Cây non mọc vống lên, lá và thân có màu trắng sáng.
Chậu cây trồng trong điều kiện bình thường (Ánh sáng chiếu từ mọi phía) (c)	Cây non mọc thẳng, khoẻ, lá có màu xanh lục, cành và lá tỏa ra các phía

Từ kết quả bảng trên, HS có thể rút ra nhận xét:
 - Ở chậu (b) và (c) cây không có phản ứng trước điều kiện chiếu sáng;
 - Ở chậu (a) thân và lá cây vươn ra phía có ánh sáng.

Từ những quan sát trên, HS phát hiện vấn đề, để cho cây sinh trưởng, phát triển tốt, cần tạo môi trường thuận lợi cho cây; các hoạt động chăm sóc như làm cỏ, vun xới, bấm ngọn, tỉa cành cũng như việc tuân thủ mật độ gieo trồng là tạo điều kiện cho cây sinh trưởng tốt. Cũng từ kết quả quan sát các thí nghiệm trên, HS rút ra nhận xét: Cây có phản ứng đối với tác nhân kích thích từ một hướng xác định là phản ứng của thực vật nhằm thích nghi với điều kiện bất lợi của môi trường sống. Từ nhận xét trên, HS hình thành được khái niệm hướng động ở thực vật, trả lời câu hỏi nhiều thực vật có khả năng thích nghi được trong điều kiện không thuận lợi của môi trường.

4.3. Sử dụng thí nghiệm trong dạy học. Thí nghiệm là mô hình hoá hiện thực khách quan có giá trị cao trong rèn luyện TDST cho HS. Thông qua thí nghiệm, HS có thể tái hiện kiến thức liên quan nội dung bài học hay tìm tòi, phát hiện những kiến thức mới thông qua các thao tác của hoạt động trên đối tượng. Đây là hoạt động sáng tạo trong học tập của HS, từ việc bố trí thí nghiệm, quan sát tiến trình thực nghiệm và nhận xét kết quả thực nghiệm, HS chiếm lĩnh được kiến thức, kĩ năng và vận dụng sáng tạo trong thực tiễn sản xuất và đời sống.

Ví dụ: Khi dạy khái niệm hô hấp ở thực vật, giáo viên cho HS làm các thí nghiệm sau (hình 2):



Hình 2. Một số thí nghiệm về hô hấp ở thực vật

- Quan sát các thí nghiệm a, b, c nhận xét và giải thích kết quả thí nghiệm;

- Ở thí nghiệm (a): ống nước vôi trong phía sau vẫn đục, chứng tỏ trong quá trình hô hấp có sự sản sinh khí CO_2 . Như vậy, có sự phân huỷ các hợp chất hữu cơ xảy ra trong quá trình hô hấp.

- Ở thí nghiệm (b), giọt nước màu di chuyển từ ngoài vào chứng tỏ trong quá trình hô hấp cần tiêu thụ khí O_2 .

- Ở thí nghiệm (c), nhiệt độ trong nhiệt kế tăng lên, chứng tỏ trong quá trình hô hấp có hiện tượng tỏa nhiệt.

Từ kết quả các thí nghiệm a, b, c cho thấy: - Trong thực tiễn, để hạn chế sự thất thoát nông sản sau thu hoạch, cần hạn chế quá trình hô hấp thực vật bằng việc điều chỉnh các yếu tố ngoại cảnh như bảo quản hạt giống trong điều kiện chân không, bảo quản lạnh, phơi khô trong điều kiện nắng nhẹ; - Để xúc tiến quá trình hô hấp, tạo điều kiện cho sự nảy mầm của hạt, cần tăng cường một số biện pháp để kích thích hạt giống nảy mầm như xử lí nhiệt, tạo độ ẩm...

4.4. Trải nghiệm thực tiễn. Học trải nghiệm là hình thức học tập dựa trên kinh nghiệm. Tri thức từ những kinh nghiệm rời rạc trong cuộc sống thực tiễn mà HS có được thông qua hoạt động sống. Lâu nay trong dạy học, giáo viên trang bị cho HS những kiến thức giáo điều từ sách vở mà ít quan tâm đến vốn kiến thức, kinh nghiệm thực tiễn của các em trong hoạt động sống. Học thông qua trải nghiệm là việc thực hiện hoạt động học trong bối cảnh thực tiễn nhằm định hướng, tạo điều kiện cho HS quan sát, suy nghĩ và tham gia các hoạt động thực tiễn, qua đó khuyến khích, động viên và tạo điều kiện cho các em tích cực nghiên cứu, tìm ra những giải pháp mới, sáng tạo những cái mới trên cơ sở kiến thức đã học trong nhà trường và những gì đã trải qua trong thực tiễn cuộc sống, từ đó hình thành ý thức, phẩm chất, kĩ năng sống và năng lực cho HS.

Ví dụ: Khi tổ chức dạy học Bài 17. Hô hấp ở động vật (SH11), có thể vận dụng những kiến thức từ vốn sống của HS. Từ các kiến thức thực tiễn như hiện tượng cá nổi đầu vào sáng sớm đến giữa trưa ở các ao nuôi với mật độ cao; cá con thường tập trung ở các dòng nước chảy nhẹ, hay hiện tượng ngạt khí than khi sưởi ấm... từ đó vận dụng giải thích cơ chế hoạt động hô hấp, các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động hô hấp, vận dụng trong thực tiễn để khắc phục những tác động xấu đến hoạt động hô hấp ở động vật, chẳng hạn gắn bộ phận sục khí hay tạo dòng chảy ở các ao ương thủy sản, trồng cây thủy sinh trong các ao hồ nuôi thủy sản, vệ sinh môi trường, đặc biệt là việc cung cấp thức ăn nhân tạo đảm bảo không phá vỡ mối quan hệ giữa các yếu tố tự nhiên của môi trường sống...

Sáng tạo trong học tập ở HS là hoạt động tìm tòi để GQVĐ trong quá trình chiếm lĩnh tri thức mới. Tri thức mới mà HS có được là sản phẩm của quá trình tìm tòi sáng tạo và hoạt động học tập tích cực. Để rèn luyện TDST cho HS, trong dạy học có thể tổ chức bằng nhiều biện pháp khác nhau như sử dụng câu hỏi kích thích suy nghĩ sáng tạo, quan sát trực

(Xem tiếp trang 36)

quan trọng là hãy chọn cho trẻ những loại sách phù hợp với lứa tuổi, có nội dung hấp dẫn, cách trình bày ngắn gọn, khoa học, “bắt mắt”; sau đó khuyến khích trẻ tự do đọc, khám phá những nội dung mà trẻ thích. Không chỉ đạo, áp đặt, chỉ nên góp ý, kiên trì cùng trẻ đọc sách, điều này không chỉ tạo không khí đọc sách, mà còn để trẻ muốn được đọc sách cùng phụ huynh. Qua việc tiếp xúc với sách, phụ huynh giáo dục trẻ có ý thức giữ gìn, nâng niu sách như cất cẩn thận khi xem sách, biết sắp đặt chúng gọn gàng, ngăn nắp, yêu mến sách như một người bạn thân thiết.

Không bao giờ là quá sớm để trẻ làm quen với việc đọc sách và việc phát triển hứng thú đọc cho trẻ cần được các nhà giáo dục chú ý càng sớm càng tốt, bởi mọi sự nuôi dưỡng cảm xúc, hứng thú từ nhỏ sẽ tạo điều kiện thuận lợi và là nền tảng cho việc trẻ thích đọc khi lớn lên và hình thành khả năng đọc cho trẻ, chuẩn bị cho trẻ bước vào giai đoạn học đọc chính quy khi lên lớp Một. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Hà Nguyễn Kim Giang (1995). *Phát triển hứng thú “đọc” cho trẻ em tiền học đường*. Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục, số 1, tr 23- 27.
- [2] Phan Thị Lan Anh (2009). *Sử dụng trò chơi nhằm phát triển khả năng tiền đọc - viết cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi ở trường mầm non*. Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [3] Đinh Hồng Thái (2010). *Giáo trình phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non*. NXB Đại học Sư phạm.
- [4] Nguyễn Ánh Tuyết - Lê Thị Bắc Lý (2006). *Giáo trình phương pháp đọc, kể diễn cảm thơ, truyện cho trẻ mầm non*. NXB Giáo dục.
- [5] Phùng Đức Toàn (2009). *Phương án 0 tuổi phát triển ngôn ngữ từ trong nôi (dành cho trẻ từ 0-6 tuổi)*. NXB Lao động.
- [6] Glenn Doman - Janet Doman (2011). *Dạy trẻ biết đọc sớm*. NXB Lao động - Xã hội.
- [7] Ngô Hải Khê (2012). *Phương án giáo dục sớm từ 0-6 tuổi*. NXB Dân trí.
- [8] Otto White Beverly (2010). *Language development in early childhood*. Northeastern Illinois University.

Tổ chức kiểm tra, đánh giá...

(Tiếp theo trang 48)

diện của HS vừa góp phần đổi mới nâng cao chất lượng dạy học LS ở trường THPT. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Xavier Roegiers (người dịch: Đào Trọng Quang - Nguyễn Ngọc Nhị) (1996). *Khoa sư phạm tích hợp hay làm thế nào để phát triển các năng lực ở nhà trường*. NXB Giáo dục.
- [2] Bộ GD-ĐT (2014). *Tài liệu Tập huấn cán bộ quản lý và giáo viên trung học phổ thông xây dựng các chuyên đề dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh*.
- [3] Nguyễn Công Khanh (2014). *Đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh phổ thông theo cách tiếp cận năng lực*. NXB Đại học Sư phạm.
- [4] Ban Chấp hành Trung ương. *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- [5] Bộ GD-ĐT (2014). *Kiểm Dạy học tích hợp và dạy học phân hóa ở trường trung học đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình và sách giáo khoa sau năm 2015*.

Phát triển năng lực sáng tạo...

(Tiếp theo trang 57)

quan, hoạt động thí nghiệm, thực nghiệm và trải nghiệm hay kết hợp một cách sáng tạo các biện pháp nhằm kích thích sự tìm tòi sáng tạo. Đây là những biện pháp quan trọng trong phát triển năng lực TDST cho HS trong dạy học theo định hướng phát triển năng lực. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Hoàng Phê (Chủ biên) (2003) *Từ điển tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng.
- [2] Nguyễn Đức Uy (1996). *Tâm lý học sáng tạo*. NXB Giáo dục.
- [3] Phan Dũng (2010). *Sáng tạo và đổi mới (tập 1)*. NXB Trẻ TP. Hồ Chí Minh.
- [4] Nguyễn Huy Tú (1996). *Tâm lý học sáng tạo*. NXB Giáo dục.
- [5] Trần Việt Dũng (2013). *Một số suy nghĩ về năng lực sáng tạo và phương hướng phát triển TDST của con người Việt Nam*. Tạp chí Khoa học, Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh số 49; tr160-169.
- [6] Văn Thị Thanh Nhung (2015). *Nâng cao năng lực vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong dạy học Sinh học ở trường trung học phổ thông*. Tài liệu bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên cốt cán tỉnh KonTum, Huế.
- [7] Xavier Roegiers (1996). *Khoa Sư phạm tích hợp hay làm thế nào để phát triển các năng lực ở nhà trường* (Đào Trọng Quang - Nguyễn Ngọc Nhị dịch). NXB Giáo dục.
- [8] Huỳnh Văn Sơn (2009). *Tâm lý học sáng tạo*. NXB Giáo dục.